

Số: 29 /2024/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 19 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã
và ngành đào tạo của từng chức danh công chức cấp xã
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 661/TTr-SNV ngày 04 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và ngành đào tạo của từng chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01. tháng 10. năm 2024, thay thế Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 8 Quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- TT. TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- Sở Nội vụ (03b);
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Như điều 3 QĐ;
- Báo Lào Cai; Công báo tỉnh; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC2. *ML*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh

Handwritten text in the top right corner, possibly a signature or date, appearing as a scribble of red ink.



QUY ĐỊNH
Tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và ngành đào tạo
của từng chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã và từng chức danh công chức cấp xã; ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Chương II
TIÊU CHUẨN CỤ THỂ ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
VÀ NGÀNH ĐÀO TẠO CỦA TỪNG CHỨC DANH CÔNG CHỨC
CẤP XÃ

Điều 3. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã

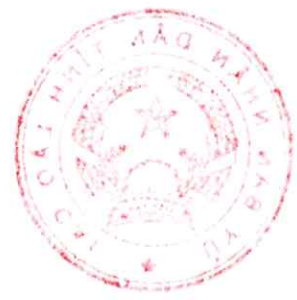
1. Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã:

a) Độ tuổi, trình độ giáo dục phổ thông, trình độ lý luận chính trị: Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

b) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

c) Trình độ tin học: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông;

d) Tiếng dân tộc, ngoại ngữ: Đối với những địa bàn công tác là các xã thuộc vùng dân tộc thiểu số thì phải biết sử dụng ít nhất một thứ tiếng dân tộc thiểu số ở mức biết giao tiếp những từ thông thường; đối với phường, thị trấn và địa bàn xã còn lại thì phải biết sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ trong



hoạt động công vụ tương đương trình độ sơ cấp trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

đ) Bồi dưỡng: Trong thời hạn 36 tháng, kể từ ngày có quyết định chuẩn y phải qua bồi dưỡng nghiệp vụ Công tác xây dựng Đảng; kiến thức, kỹ năng Quản lý nhà nước theo chức vụ; kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý kinh tế; kiến thức Quốc phòng - An ninh;

e) Các tiêu chuẩn khác không quy định tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện theo điểm đ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Độ tuổi, trình độ giáo dục phổ thông, trình độ lý luận chính trị: Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

b) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

c) Trình độ tin học, tiếng dân tộc, ngoại ngữ: Thực hiện theo điểm c, điểm d khoản 1 Điều này;

d) Bồi dưỡng: Trong thời hạn 36 tháng, kể từ ngày có quyết định phê chuẩn phải qua bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo chức vụ; kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý kinh tế; kiến thức Quốc phòng - An ninh. Riêng chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phải được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã theo chương trình, kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Các tiêu chuẩn khác không quy định tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện theo điểm đ khoản 3 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

3. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam cấp xã:

a) Độ tuổi, trình độ giáo dục phổ thông, trình độ lý luận chính trị: Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

b) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

Đối với phường, thị trấn và xã thuộc khu vực I, khu vực II: Tốt nghiệp trình độ từ đại học trở lên;

Đối với xã thuộc khu vực III: Tốt nghiệp trình độ từ cao đẳng trở lên;

Trường hợp luật, điều lệ tổ chức có quy định khác thì thực hiện theo quy định của luật, điều lệ đó.

c) Trình độ tin học, tiếng dân tộc, ngoại ngữ: Thực hiện theo điểm c, điểm d khoản 1 Điều này;

d) Bồi dưỡng: Trong thời hạn 36 tháng, kể từ ngày có quyết định công nhận, chuẩn y phải qua bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước theo chức vụ; kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ của từng chức vụ; kiến thức Quốc phòng – An ninh;

đ) Các tiêu chuẩn khác không quy định tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện theo điểm đ khoản 2 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể và ngành đào tạo của từng chức danh công chức cấp xã

Tiêu chuẩn đối với công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự, các công chức cấp xã còn lại thực hiện theo quy định sau:

1. Độ tuổi, trình độ giáo dục phổ thông: Thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Trình độ lý luận chính trị: Tốt nghiệp sơ cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên. Riêng công chức mới tuyển dụng, chậm nhất trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày được tuyển dụng phải hoàn thiện tiêu chuẩn về trình độ lý luận chính trị theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp từ đại học trở lên.

4. Ngành đào tạo đối với từng chức danh công chức cấp xã:

a) Chức danh Văn phòng - Thống kê: Có ngành đào tạo thuộc các nhóm ngành, chuyên ngành: Văn thư - Lưu trữ, Quản lý nhà nước, Văn phòng, Luật, Thống kê, Kinh tế, Công nghệ thông tin và các chuyên ngành khác phù hợp theo yêu cầu nhiệm vụ thực tế của địa phương;

b) Chức danh Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường và thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã): Có ngành đào tạo thuộc các nhóm chuyên ngành phù hợp về Quản lý đất đai, Kỹ thuật giao thông, Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Trắc địa, Tài nguyên - Môi trường, Nông nghiệp, Trồng trọt, Nông học, Khoa học cây trồng, Thủy lợi, Khuyến nông, Phát triển nông thôn, Nông - Lâm kết hợp, Chăn nuôi - Thú y, Lâm nghiệp, Lâm sinh;

c) Chức danh Tài chính - Kế toán: Có ngành đào tạo thuộc các nhóm ngành, chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - Kiểm toán;

d) Chức danh Tư pháp - Hộ tịch: Có ngành đào tạo thuộc các nhóm ngành Luật;

đ) Chức danh Văn hóa - Xã hội: Có ngành đào tạo thuộc các nhóm ngành, chuyên ngành: Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Thông tin - Truyền thông, Thể dục - Thể thao, Xã hội học, Công tác xã hội, Du lịch (đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động du lịch), các chuyên ngành phù hợp về lĩnh vực Lao động - Thương binh và xã hội và các chuyên ngành về dân tộc, tôn giáo;

e) Đối với những ngành đào tạo mới phát sinh hoặc chưa được quy định tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này mà phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thống nhất với Sở Nội vụ xem xét đưa vào kế hoạch trong từng kỳ tuyển dụng công chức cấp xã.

5. Trình độ tin học, tiếng dân tộc, ngoại ngữ: Thực hiện theo điểm c, điểm d khoản 1 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

6. Bồi dưỡng: Trong thời hạn 36 tháng, kể từ khi được tuyển dụng, công chức cấp xã phải được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước, chuyên môn, nghiệp vụ theo chương trình đối với từng chức danh công chức cấp xã; kiến thức Quốc phòng - An ninh.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với cán bộ cấp xã đang giữ chức vụ bầu cử, công chức đang giữ chức danh mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định này thì trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị định số 33/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Hết thời hạn này mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ:

a) Chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy định ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã từng bước đạt chuẩn theo quy định;

c) Theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ theo dõi, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã; tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn đối với chức danh công chức cấp xã liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Rà soát thực trạng số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn quản lý; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt công tác lập kế hoạch, quy hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, sử dụng, đánh giá và thực hiện các chế độ, chính sách (bao gồm cả chính sách tinh giản biên chế) đối với cán bộ, công chức cấp xã;

b) Hàng năm xây dựng và công khai quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để tạo nguồn và nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với từng chức vụ, chức danh; cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định;

c) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy định về cán bộ, công chức cấp xã tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này;

d) Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức triển khai, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức cấp xã và thực hiện tốt quy định này;

b) Hàng năm, rà soát để đăng ký, cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng. Đồng thời tạo điều kiện để cán bộ, công chức được tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạt chuẩn về trình độ theo chức danh, vị trí việc làm.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Quy định ban hành kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo quy định, văn bản quy phạm pháp luật mới.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, giải quyết theo quy định./.